TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**:** 43/2021/KDTM- PT
Ngày 22/3/2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Tuyết Băng
Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Bình
Bà Lê Thúy Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Hòa - Thư ký TAND Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên

Trong các ngày 17 và 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2020/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do bản án sơ thẩm số 33/2019/KDTM-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2021/QĐXX-PT ngày 13 tháng 01 năm 2021;Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐ-HPT ngày 25/01/2021; thông báo mở phiên tòa số 861/2021/TB-MPT ngày 04/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Taicera Keraben (Nay là: Công ty trách nhiệm hữu hạn Tekknia).

Trụ sở: Số 247 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11,Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông CHEN, CHENG-JEN – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Đức Anh, bà Phạm Thị Hải Yến, bà Trần Minh Nguyệt (Theo Giấy ủy quyền ngày 03/8/2020).

(Có mặt ông Đỗ Đức Anh; vắng mặt bà Yến, bà Nguyệt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần Hanel Mirolin

Trụ sở: Số 18 phố Lệ Mật, phường Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội.

Địa chỉ hiện nay: P1202-2, tầng 12 Keangnam HaNoi Landmark 72, khu E6, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang Anh – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Kiệm (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/4/2019). (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Ngày 16/01/2015, Công ty trách nhiệm hữu hạn Taicera Keraben

nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn Tekknika (Sau đây gọi tắt là Nguyên đơn) và Công ty cổ phần Hanel Mirolin (Sau đây gọi tắt là Bị đơn) ký kết Hợp đồng kinh tế số: HĐ 2015/01-NPP với nội dung Bị đơn sẽ làm Nhà phân phối cho Nguyên đơn để bán các sản phẩm KERABEN của Nguyên đơn tại khu vực Hà Nội và các tỉnh thành phía Bắc. Trong hợp đồng mua bán hàng hóa các bên không thỏa thuận về lãi suất. Quá trình hợp tác các bên xảy ra một số vấn đề dẫn đến ngừng hợp tác. Theo "Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ" lập ngày 17/10/2016 giữa Nguyên đơn và Bị đơn tính từ ngày 01/9/2016 đến ngày 30/9/2016 bên Bị đơn còn nợ Nguyên đơn tổng số tiền là: 5.835.087.861 đồng.

Ngày 16/12/2016, Nguyên đơn đã gửi thư yêu cầu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền bảo lãnh 4.000.000.000 đồng.Tuy nhiên,ngày 29/12/2016 Ngân hàng đã gửi văn bản số 1161/TB-VCCD-KHBL cho Nguyên đơn từ chối thanh toán khoản tiền bảo lãnh với lý do Nguyên đơn không xuất trình được Biên bản thanh lý hợp đồng theo quy định của Thư bảo lãnh. Thư bảo lãnh cũng đã hết hiệu lực ngày 31/12/2016.

Ngày 23/3/2018, hai bên đã bàn giao cho nhau hàng lỗi, hàng tồn kho. Ngày 31/3/2018, Bị đơn đã xuất hóa đơn số 0000580 ngày 31/3/2018 (được điều chỉnh theo Biên bản điều chỉnh hóa đơn ngày 02/4/2018) tương ứng với giá trị số hàng trả lại là: 2.443.011.985 đồng.

Ngày 19/4/2018, Nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: rút yêu cầu Bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại 3.392.075.876 đồng và rút yêu cầu lãi phát sinh đối với hàng lỗi mà Bị đơn đã trả lại cho Nguyên đơn là 399.613.500 đồng. Nay Nguyên đơn đề nghị Bị đơn phải thanh toán trả cho Nguyên đơn tổng số tiền là: 5.497.617.732 đồng, trong đó nợ gốc là: 3.392.075.876 đồng; nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 18/10/2019 là 2.105.541.856 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn đề nghị nguyên đơn bồi thường thiệt hại cho bị đơn, nguyên đơn không đồng ý, vì Nguyên đơn không có lỗi nên không phải bồi thường, Bị đơn là bên vi phạm trước. Hơn nữa, số liệu Bị đơn nêu là chi phí cho hoạt động kinh doanh từ năm 2013-2017, không phải thiệt hại; Bị đơn chưa chứng minh được hành vi ngừng giao hàng của Nguyên đơn là nguyên nhân trực tiếp gây thiệt hại.

Tại bản tự khai và các biên bản lấy lời khai đại diện theo ủy quyền của Bị đơn trình bày: Bị đơn xác nhận ngày 16/01/2015 đã ký Hợp đồng kinh tế với Nguyên đơn theo nội dung nguyên đơn đã trình bày. Quá trình hợp tác các bên có xảy ra một số vấn đề dẫn đến ngừng hợp tác. Nguyên đơn và Bị đơn đã ký "Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ" từ ngày 01/9/2016 đến ngày 30/9/2016 xác định tổng số công nợ cuối kỳ là 5.835.087.861 đồng. Bị đơn xác nhận ký vào ngày 17/10/2016. Tuy nhiên, đây chỉ là ghi nhận giá trị hàng hóa đã nhận trên hóa đơn đã xuất, không phải công nợ cuối cùng vì chưa trừ hàng tồn kho. Nguyên đơn đã nhận lại: Hàng bị lỗi trị giá: 399.613.500 đồng; Hàng tồn kho trị giá: 2.043.398.485 đồng. Bị đơn đã xuất hóa đơn số 0000580 ngày 31/3/2018 (được điều chỉnh theo Biên bản điều chỉnh hóa đơn ngày 02/4/2018) tương ứng với giá trị số hàng trả lại là: 2.443.011.985 đồng. Nợ gốc hai bên đã chốt còn: 3.392.075.876 đồng. Đối với

khoản nợ lãi nguyên đơn yêu cầu thì bị đơn không đồng ý vì bị đơn không vi phạm hợp đồng.

Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại cho bị đơn là 20.000.000.000 đồng do Nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, các khoản bồi thường gồm: Chi phí thuê mặt bằng Showroom, chi phí hoạt động Showroom, chi phí lương nhân viên, chi phí quảng cáo, tổ chức sự kiện, chi phí quà tết, chi phí kho bãi lưu hàng tồn, doanh thu bị mất, thiệt hại về uy tín, thương hiệu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Bị đơn yêu cầu các khoản Nguyên đơn phải bồi thường cho Bị đơn gồm: Chi phí lưu kho từ ngày 20/10/2016 đến ngày 23/3/2018 là 553.000.000 đồng; Chi phí Quảng cáo 74.076.000 đồng; Giá trị hàng lỗi bị đơn đang quản lý 39.378.000 đồng; Chi phí phát triển Showroom trưng bày 343.546.988 đồng; Thiệt hại do mất doanh thu 847.664.082 đồng; Bồi thường do mất uy tín, thương hiệu là 6.142.334.930 đồng. Tổng cộng là 8.000.000.000 đồng.

Tại bản tự khai và các biên bản ghi lời khai Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quanNgân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương là bà Nguyễn Hồng Hiếu trình bày:

Ngày 26/8/2016, theo yêu cầu của Nguyên đơn, Ngân hàng đã phát hành Thư bảo lãnh thanh toán số 05430036100403. Thời hạn bảo lãnh đến ngày 31/12/2016. Ngày 20/12/2016 Ngân hàng nhận được yêu cầu bảo lãnh của Nguyên đơn yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 4.000.000.000 đồng. Sau nhiều lần Ngân hàng yêu cầu Nguyên đơn hoàn thiện hồ sơ thanh toán nhưng Nguyên đơn không hoàn thiện được.

Ngày 29/12/2016, Ngân hàng đã gửi văn bản số 1161/TB-VCCD-KHBL cho Nguyên đơn từ chối thanh toán khoản tiền bảo lãnh với lý do Nguyên đơn không xuất trình được Biên bản thanh lý hợp đồng theo quy định của Thư bảo lãnh, Ngân hàng cũng đã trả lại toàn bộ hồ sơ yêu cầu bảo lãnh cho Nguyên đơn. Thư bảo lãnh cũng đã hết hiệu lực ngày 31/12/2016. Do đó, Ngân hàng không có liên quan gì đến vụ án này, nên đề nghị Tòa án không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại Bản án sơ thẩm số 33/2019/KDTM-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Long Biên đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc thanh toán tiền hàng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Taicera Keraben (Nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn Tekknia) đối với Công ty cổ phần Hanel Mirolin.

- Công ty cổ phần Hanel Mirolin phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Taicera Keraben (Nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn Tekknia) số tiền: 4.060.382.664 đồng. Trong đó có 3.392.075.876 đồng nợ gốc và 668.306.788 đồng nợ lãi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần Hanel Mirolin đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Taicera Keraben (Nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn Tekknia).

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Taicera Keraben (Nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn Tekknia) phải bồi thường cho Công ty cổ phần Hanel Mirolin số tiền là: 638.996.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm ngày 04/11/2019 Bị đơn Công ty cổ phần Hanel Mirolin có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Cụ thể:

- Cấp sơ thẩm xác định Nguyên đơn có lỗi khi đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho Bị đơn nhưng vẫn buộc Bị đơn phải chịu trách nhiệm trả 4.060.582.664 đồng gồm nợ gốc, lãi là không phù hợp. Tại thời điểm Nguyên đơn khởi kiện thì không phải tất cả các đơn hàng đều đã đến hạn thanh toán và giá trị tiền hàng đến hạn thanh toán chưa vượt hạn mức dư nợ.

- Cấp sơ thẩm tuyên Nguyên đơn bồi thường thiệt hại cho Bị đơn chưa tương xứng với thiệt hại thực tế xảy ra.

Bị đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại phần lãi suất mà Bị đơn phải trả; số tiền bồi thường thiệt hại tương xứng với thiệt hại của Bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự đều xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác để xuất trình**.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà nội tham gia phiên toà sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích nội dung vụ án có quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo trình tự luật định, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi tóm tắt nội dung và phân tích nội dung vụ án Viện kiểm sát có quan điểm: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ xét thấy Hợp đồng kinh tế số HĐ2015/01-NNP ngày 16/01/2015 giữa Công ty TNHH Taicera Keraben và Công ty cổ phần Hanel Mirolin được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2019/KDTM-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Long Biên; Về án phí các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn là Công ty cổ phần Hanel Mirolin làm trong thời hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên việc kháng cáo là hợp lệ. Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét thấy, ngày 26/8/2016 theo yêu cầu của công ty cổ phần Hanel Mirolin, Vietcombank Chương Dương phát hành thư bảo lãnh thanh toán số 054300361600403 với số tiền bảo lãnh 4.000.000.000 đồng; bên

được bảo lãnh Công ty cổ phần HanelMirolin; Bên nhận bảo lãnh Công ty TNHH Taicera Keraben; thời hạn bảo lãnh đến ngày 31/12/2016. Ngày 20/12/2016 và ngày 27/12/2016 Vietcombank Chương Dương nhận được yêu cầu thanh toán của công ty Công ty TNHH Taicera Keraben. Ngày 22/12/2016 và ngày 27/12/2017 Vietcombank Chương Dương đã có công văn số 1137/TB-VCBCD-KHBL, Công văn số 1161/TB-VCBCD-KHBL từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và trả lại hồ sơ yêu cầu thanh toán cho Công ty TNHH Taicera Keraben. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án Công ty TNHH Taicera Keraben không yêu cầu Vietcombank Chương Dương phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nếu sau này Công ty TNHH Taicera Keraben có yêu cầu, thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác. Do vậy, không cần thiết phải đưa Vietcombank vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Tại phiên tòa đại diện bị đơn cho rằng nguyên đơn đã thay đổi tên pháp nhân và người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn cũng đã thay đổi không phải ông Chen,Cheng-Jen và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Tuy nhiên phía bị đơn xác nhận việc này bị đơn chỉ nghe nói chứ bị đơn không có tài liệu để chứng minh về việc nguyên đơn đã thay đổi pháp nhân và người đại diện theo pháp luật. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khẳng định pháp nhân của nguyên đơn và người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn vẫn giữ nguyên như bản án sơ thẩm và không có sự thay đổi như đại diện bị đơn trình bày. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để xem xét đối với yêu cầu này của bị đơn.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng kinh tế số HĐ2015/01-NNP ngày 16/01/2015 giữa Công ty TNHH Taicera Keraben và Công ty cổ phần Hanel Mirolin được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giao cho Bị đơn số hàng với tổng giá trị theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ giữa hai bên từ ngày 01/9/2016 đến ngày 30/9/2016 tổng tiền hàng Nguyên đơn đã giao cho Bị đơn là: 5.835.087.861 đồng. Ngày 17/01/2018 Bị đơn đã trả lại cho Nguyên đơn số hàng lỗi, hàng tồn kho theo thỏa thuận của hai bên. Sau khi các bên bàn giao cho nhau hàng lỗi, hàng tồn kho. Bị đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000580 ngày 31/3/2018 (được điều chỉnh theo Biên bản điều chỉnh hóa đơn ngày 02/4/2018) tương ứng với giá trị số hàng Bị đơn trả lại cho Nguyên đơn là: 2.443.011.985 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự đều thống nhất xác nhận số tiền nợ gốc Bị đơn còn nợ Nguyên đơn là 3.392.075.876 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Bị đơn phải thanh toán trả Nguyên đơn số tiền nợ gốc là 3.392.075.876 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về lãi suất chậm thanh toán:

Quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn cho rằng Nguyên đơn không tiếp tục giao hàng cho Bị đơn, vì Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại điểm 3.4.1 Phụ lục P2016/01-NPP ngày 2.1.2016 là trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn, nên Nguyên đơn không tiếp tục giao hàng cho Bị đơn là phù hợp quy định tại điểm 3.2 Điều 3 Hợp đồng kinh tế 2015/01-NPP ngày 16.1.2015. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3.2 Điều 3 thì: *"Bên A sẽ mở định mức công nợ cho*

bên B với giá 6.000.000.000 đồng khi bên B cung cấp thư bảo lãnh được nêu ở mục 3.1 Điều 3. Bên B nhận hàng trong tháng nếu vượt quá hạn mức dư nợ của chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng, thì bên B phải thanh toán số tiền vượt quá trước khi nhận hàng". Như vậy, điều khoản trên chỉ quy định Bên B nhận hàng trong tháng nếu vượt quá hạn mức dư nợ thì phải thanh toán số tiền vượt quá trước khi nhận hàng chứ không quy định bên A được ngừng giao hàng khi bên B chưa thanh toán tiền hàng. Tính đến ngày 23/9/2016 (là ngày bị đơn có đơn đặt hàng nhưng nguyên đơn không có phản hồi), thì tổng giá trị hóa đơn đến hạn mà bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn mới là 2.322.814.403 đồng, như vậy số tiền phải thanh toán chưa vượt quá mức dư nợ của thư bảo lãnh. Mặt khác, Tại điểm 3.1 Điều 3 phụ lục số 01 nói trên quy định *"Bên B cung cấp cho bên A tài sản thế chấp bằng Chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng trong khoảng thời gian từ 02/01/2016 đến 31/12/2016 có giá trị là 4.000.000.000 đồng"*. Tại công văn số 1161 ngày 29/12/2016 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Chương Dương trả lời Nguyên đơn về việc từ chối nghĩa vụ bảo lãnh. Vì vậy, các điều khoản quy định trên không phát sinh hiệu lực. Mặt khác, các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngày 23/9/2016 Bị đơn đã gửi đơn đặt "16.000m2 Marbone". Như vậy, có căn cứ xác định Bị đơn đã gửi đơn đặt hàng cho Nguyên đơn trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, nhưng Nguyên đơn không chấp nhận và cũng không giao hàng cho Bị đơn. Mục 1.3 Điều 3 Hợp đồng kinh tế quy định: " Nếu trong vòng 06 tháng liên tiếp mà bên B không đạt được 80% chỉ tiêu doanh số như đã thỏa thuận của hợp đồng, Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng, đồng thời bên B phải thanh toán dứt điểm tiền hàng cho bên A sau khi trừ hàng tồn (nếu có) và không được khiếu nại".

Ngày 20/10/2016, Nguyên đơn đã có công văn đồng ý cho Bị đơn trả hàng tồn và số tiền tương ứng với lượng hàng sẽ được trừ trực tiếp vào công nợ. Từ ngày 20/10/2016 đến ngày 23/3/2018 Nguyên đơn nhận lại hàng tồn, ngày 31/3/2018 Bị đơn đã xuất hóa đơn hàng tồn và trừ giá trị hàng tồn với số tiền là 2.443.011.985 đồng. Như vậy, việc Bị đơn cho rằng Bị đơn chậm thanh toán số tiền 5.835.087.861 đồng theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ký ngày 17/10/2016 là do Nguyên đơn chưa trừ đi số hàng tồn, hàng lỗi là có căn cứ. Từ những căn cứ trên xét thấy, Nguyên đơn chỉ có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi Bị đơn không đạt chỉ tiêu doanh số như các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên Nguyên đơn lại cho rằng việc không tiếp tục giao hàng cho Bị đơn là do Bị đơn không thanh toán tiền hàng để đơn phương chấm dứt hợp đồng với Bị đơn là vi phạm thỏa thuận tại mục 1.3 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số 2015/01-NPP ngày 16.1.2015. Do đó, có cơ sở xác định Nguyên đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với Bị đơn trong thời gian hợp đồng vẫn còn hiệu lực.

Ngày 19/4/2018, Nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện theo đó hai bên chốt lại số nợ gốc Bị đơn chưa thanh toán trả Nguyên đơn là 3.392.075.876 đồng, vì vậy nghĩa vụ thanh toán lãi suất quá hạn của Bị đơn chỉ phát sinh sau 60 ngày kể từ ngày 31/3/2018. Xét thấy Hợp đồng số HĐ2015/01-NNP ngày 16/01/2015 các bên không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005, thì bị đơn phải chịu lãi suất chậm thanh toán đối với số tiền gốc chưa thanh toán trả cho Nguyên đơn là 3.392.075.876 đồng kể từ ngày 30/5/2018 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 1 năm 4 tháng 18 ngày, theo mức lãi

suất quá hạn được tính trung bình của 3 Ngân hàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm gồm Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam là 14,25%/năm. Như vậy số tiền lãi chậm thanh toán Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn là: 3.392.075.876 đồng x 1 năm 4 tháng 18 ngày x 14,25%/năm = 668.306.788 đồng.

Tổng số tiền Bị đơn phải thanh toán trả cho Nguyên đơn cả gốc và lãi là: 3.392.075.876 đồng + 668.306.788 đồng = 4.060.382.664 đồng (Bốn tỷ không trăm sáu mươi triệu ba trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi bốn đồng).

*Đối với yêu cầu phản tố của Bị đơn đề nghị Nguyên đơn bồi thường thiệt hại cho Bị đơn số tiền 8.000.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Như lập luận ở trên, việc Nguyên đơn không giao hàng theo đơn đặt hàng trong thời hạn còn hiệu lực hợp đồng cho Bị đơn là Nguyên đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng không đúng với thỏa thuận của các bên. Do đó, Nguyên đơn phải bồi thường những thiệt hại thực tế đã gây ra cho Bị đơn Tổng số tiền là: 638.996.000 đồng. Cụ thể: Nguyên đơn phải bồi thường tiền lưu kho bến bãi đối với hàng tồn kho, hàng lỗi do nguyên đơn chậm nhận lại từ ngày 20/10/2016 đến ngày 23/3/2018 là: 553.000.000 đồng; Chi phí Quảng cáo: 74.076.000 đồng; bồi thường do mất uy tín, thương hiệu 8 tháng x 1.490.000 đồng = 11.920.000 đồng.

Ngoài ra bị đơn còn yêu cầu Nguyên đơn phải bồi thường cho Bị đơn đối với giá trị hàng tồn không còn nguyên mác bị đơn đưa ra số liệu còn trị giá 39.378.000 đồng; Chi phí phát triển Showroom trưng bầy: 343.546.988 đồng; Thiệt hại do mất doanh thu: 847.664.082 đồng; Bồi thường do mất uy tín, thương hiệu là 6.142.334.930 đồng. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Bị đơn không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với các yêu cầu này, nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn.

Đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nên được chấp nhận.

Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: Qua kiểm tra Hội đồng xét xử xét thấy cách tính án phí của cấp sơ thẩm là chưa chính xác, nên cần phải sửa án sơ thẩm về phần này. Theo quy định của pháp luật thì Nguyên đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 1.437.235.068 đồng và án phí đối với phần Nguyên đơn phải bồi thường cho Bị đơn là 638.996.000 đồng. Cụ thể Nguyên đơn phải chịu 84.676.892 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại, được trừ đi 57.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005481 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.Công ty còn phải nộp 27.676.892 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ phải thanh toán trả cho Nguyên đơn là 4.060.382.664 đồng và án phí đối với phần yêu cầu phản tố của Bị đơn không được chấp nhận là 7.361.004.000 đồng. Cụ thể bị đơn phải chịu 233.370.664 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào 64.000.000đ tiền tạm ứng án phí công ty đã nộp theo Biên lai số 0006223 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành

phố Hà Nội. Bị đơn còn phải nộp 169.370.664 đồng.

+ Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần Hanel Mirolin 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí Công ty đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015701 ngày 18/11/2019 của chi cục thi hành án quận Long Biên, Hà Nội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 308, Điều 309; Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Điều 24, Điều 50, 55, Điều 306, Điều 319 Luật thương mại 2005.
- Áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án sơ thẩm số 33/2019/KDTM-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Taicera Keraben (Nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn Tekknia) đối với Công ty cổ phần Hanel Mirolin; Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần Hanel Mirolin yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Taicera Keraben (Nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn Tekknia) phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng.

2.Buộc Công ty cổ phần Hanel Mirolin phải thanh toán trả cho Công ty TNHH Taicera Keraben (Nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn Tekknia).Tổng số tiền là: 4.060.382.664 đồng (Bốn tỷ, không trăm sáu mươi triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc là: 3.392.075.876 đồng; Nợ lãi là: 668.306.788 đồng. Theo Hợp đồng kinh tế số HĐ2015/01-NNP ngày 16/01/2015.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Taicera Keraben (Nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn Tekknia) phải bồi thường cho Công ty cổ phần Hanel Mirolin số tiền là: 638.996.000 đồng (Sáu trăm ba mươi tám triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Sau khi đối trừ số tiền 638.996.000 đồng mà Công ty trách nhiệm hữu hạn Taicera Keraben (Nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn Tekknia) phải bồi thường cho Công ty cổ phần Hanel Mirolin. Công ty cổ phần Hanel Mirolin còn phải thanh toán trả Công ty trách nhiệm hữu hạn Taicera Keraben (Nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn Tekknia) số tiền là 3.421.386.664 đồng (Ba tỷ, bốn trăm hai mươi mốt triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng).

*** Về án phí:**

+ Án phí sơ thẩm: Công ty cổ phần Hanel Mirolin phải chịu 233.370.664 đồng (Hai trăm ba mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi tư đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào 64.000.000đ (Sáu mươi tư triệu đồng) tiền tạm ứng án phí công ty đã nộp theo Biên lai số 0006223 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Công ty cổ

phần Hanel Mirolin còn phải nộp 169.370.664 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi tư đồng).

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Taicera Keraben (Nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn Tekknia) phải chịu 84.676.892 đồng (Tám mươi tư triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào 57.000.000 đồng *(*Năm mươi bẩy triệu đồng) tiền tạm ứng án phí công ty đã nộp theo Biên lai số 0005481 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Công ty còn phải nộp 27.676.892 đồng (Hai mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng).

+ Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho Công ty cổ phần Hanel Mirolin 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí Công ty đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015701 ngày 18/11/2019 của chi cục thi hành án quận Long Biên, Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án đối với số tiền phải thanh toán, thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Bình **Lê Thúy Linh** **Ngô Tuyết Băng**

Nơi nhận:
-Tòa án ND quận Long Biên
- VKSND TP Hà Nội
- Chi cục thi hành án quận Long Biên
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Tuyết Băng